

KẾ HOẠCH
Phát triển thương mại, dịch vụ tỉnh An Giang giai đoạn 2026 - 2030

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025.

Căn cứ Nghị quyết số 25/2026/QH16 ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Quốc hội về phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2026 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 109/NQ-CP 16 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về Cập nhật, bổ sung Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phân đầu tăng trưởng “2 con số”;

Căn cứ Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Kế hoạch số 224/KH-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Quyết định phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Kế hoạch số 338/KH-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Đề án nâng cao chất lượng tăng trưởng hướng tới mục tiêu tăng trưởng hai con số tỉnh An Giang giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 381/KH-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 169/NQ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ về mục tiêu tăng trưởng của các địa phương năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2030 để thực hiện Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch Phát triển thương mại, dịch vụ tỉnh An Giang giai đoạn 2026 - 2030 với các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH

1. Cụ thể hóa các chủ trương, định hướng của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy hoạch, chiến lược, chương trình, kế hoạch của Trung ương và của tỉnh về phát triển thương mại, dịch vụ; triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp phát triển thương mại, dịch vụ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030.

2. Phát huy tiềm năng, lợi thế của tỉnh về thương mại biên giới, kinh tế biển, du lịch, nông nghiệp, thủy sản, logistics và liên kết vùng; thúc đẩy phát triển thị trường trong nước, hệ thống phân phối, thương mại điện tử, logistics, xuất nhập khẩu và các loại hình thương mại hiện đại, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3. Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, phát triển thương hiệu, mở rộng thị trường tiêu thụ, tăng cường liên kết chuỗi giá trị, khai thác hiệu quả thị trường trong nước và quốc tế, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế của tỉnh giai đoạn 2026 - 2030.

4. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về thương mại, dịch vụ; tăng cường phối hợp giữa các sở, ban, ngành, địa phương và các tổ chức có liên quan trong tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội phục vụ phát triển thương mại, dịch vụ theo hướng hiện đại, văn minh và bền vững.

II. YÊU CẦU

1. Bảo đảm việc triển khai Kế hoạch đồng bộ, thống nhất, phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và các chiến lược, quy hoạch, chương trình phát triển thương mại, dịch vụ có liên quan.

2. Xác định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm của các sở, ban, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị và các tổ chức có liên quan; tăng cường phối hợp liên ngành, bảo đảm triển khai đúng tiến độ, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh.

3. Huy động, lồng ghép và sử dụng hiệu quả các nguồn lực của Nhà nước, doanh nghiệp và các nguồn lực hợp pháp khác; khuyến khích xã hội hóa, hợp tác công - tư trong đầu tư phát triển hạ tầng thương mại, logistics, thương mại điện tử, chuyển đổi số, xúc tiến thương mại và các lĩnh vực thương mại, dịch vụ.

4. Lấy doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân làm trung tâm; tập trung hỗ trợ phát triển thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, phát triển thương mại hiện đại và bền vững; góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế và nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân.

5. Tăng cường ứng dụng công nghệ số trong quản lý, theo dõi, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch; nâng cao hiệu quả công tác thống kê, dự báo, chia sẻ thông tin thị trường và chế độ báo cáo, bảo đảm phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành kịp thời, hiệu quả.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển thương mại, dịch vụ tỉnh An Giang theo hướng hiện đại, văn minh, bền vững; phát huy lợi thế của tỉnh về thương mại biên giới, kinh tế biển,

nông nghiệp, thủy sản, du lịch và liên kết vùng; phát triển đồng bộ thị trường, hệ thống phân phối, hạ tầng thương mại, logistics và thương mại điện tử; đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh; mở rộng thị trường trong nước và quốc tế, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân và thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2026 - 2030.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng bình quân 25,85%/năm giai đoạn 2026 - 2030.

b) Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tăng bình quân 11,63%/năm; kim ngạch nhập khẩu tăng bình quân 8%/năm.

c) Tỷ lệ doanh nghiệp, hợp tác xã ứng dụng thương mại điện tử, chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất, kinh doanh đạt từ 70% trở lên; tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt trong hoạt động thương mại đạt khoảng 80%.

d) Tỷ lệ hàng hóa chủ lực, sản phẩm OCOP và sản phẩm đặc trưng của tỉnh áp dụng truy xuất nguồn gốc đạt từ 70% trở lên.

đ) Phát triển đồng bộ hạ tầng thương mại, logistics, hệ thống phân phối hiện đại; khuyến khích phát triển các mô hình thương mại, dịch vụ phù hợp với quy hoạch và điều kiện thực tế của tỉnh.

e) Nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, hiệu quả quản lý nhà nước; đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, minh bạch.

IV. Nhiệm vụ và giải pháp

1. Phát triển thị trường trong nước

a) Phát triển thị trường trong nước theo hướng văn minh, hiện đại, bền vững; bảo đảm cân đối cung cầu hàng hóa, đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của người dân.

b) Tổ chức hiệu quả các chương trình bình ổn thị trường, kết nối cung cầu, đưa hàng Việt về nông thôn, vùng biên giới; triển khai Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, góp phần thúc đẩy tiêu thụ hàng hóa sản xuất trong nước.

c) Hỗ trợ mở rộng thị trường tiêu thụ đối với sản phẩm OCOP, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, sản phẩm đặc trưng và ngành hàng chủ lực của tỉnh; tăng cường liên kết giữa sản xuất, phân phối và tiêu dùng, gắn với xây dựng thương hiệu, truy xuất nguồn gốc và nâng cao giá trị sản phẩm.

d) Đa dạng hóa phương thức phân phối, phát triển các kênh tiêu thụ hiện đại kết hợp với thương mại truyền thống; mở rộng khả năng tiếp cận hàng hóa tại khu vực nông thôn, vùng biên giới, hải đảo và các địa bàn có tiềm năng.

đ) Tăng cường theo dõi, dự báo diễn biến thị trường; chủ động triển khai

các giải pháp bảo đảm nguồn cung, ổn định thị trường đối với hàng hóa thiết yếu, hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh phù hợp.

2. Phát triển hệ thống phân phối và hạ tầng thương mại

a) Phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng thương mại, phân phối theo hướng hiện đại, văn minh, phù hợp với quy hoạch tỉnh; ưu tiên phát triển tại các đô thị, khu vực cửa khẩu, khu du lịch, địa bàn có tiềm năng, bảo đảm kết nối hài hòa giữa khu vực đô thị, nông thôn, biên giới và hải đảo.

b) Nâng cấp, cải tạo và nâng cao hiệu quả khai thác hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, trung tâm phân phối và các loại hình bán lẻ hiện đại; khuyến khích xã hội hóa đầu tư, đổi mới mô hình quản lý, thu hút các doanh nghiệp, nhà đầu tư tham gia phát triển hạ tầng thương mại.

c) Phát triển hạ tầng thương mại gắn với vùng sản xuất, vùng nguyên liệu, khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu và hệ thống logistics; nâng cao năng lực lưu thông, kết nối cung cầu, tiêu thụ sản phẩm và đáp ứng nhu cầu thị trường.

d) Khuyến khích phát triển các mô hình phân phối văn minh, hiện đại; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, thanh toán không dùng tiền mặt trong hoạt động kinh doanh; từng bước phát triển các mô hình thương mại, dịch vụ ban đêm tại các địa bàn có tiềm năng, gắn với phát triển du lịch và tiêu dùng.

3. Phát triển logistics

a) Phát triển hạ tầng và dịch vụ logistics phù hợp với quy hoạch tỉnh; ưu tiên phát triển kho bãi, kho lạnh, trung tâm logistics, trung tâm phân phối gắn với vùng sản xuất, vùng nguyên liệu, cửa khẩu, hệ thống giao thông và các ngành hàng chủ lực của tỉnh.

b) Tăng cường kết nối logistics với các địa phương trong vùng, các trung tâm kinh tế, khu sản xuất, vùng nguyên liệu; phát triển dịch vụ vận tải, logistics phục vụ lưu thông hàng hóa, xuất nhập khẩu, thương mại biên giới và liên kết chuỗi cung ứng.

c) Khuyến khích phát triển doanh nghiệp logistics, thúc đẩy liên kết giữa doanh nghiệp logistics với doanh nghiệp sản xuất, chế biến, xuất nhập khẩu và hệ thống phân phối nhằm nâng cao hiệu quả chuỗi cung ứng, giảm chi phí logistics và nâng cao năng lực cạnh tranh.

d) Huy động, lồng ghép các nguồn lực đầu tư phát triển logistics; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản lý, khai thác dịch vụ logistics, nâng cao khả năng kết nối, chia sẻ thông tin và hiệu quả lưu thông hàng hóa.

đ) Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan, địa phương và doanh nghiệp; chú trọng đào tạo, phát triển nguồn nhân lực logistics đáp ứng yêu cầu phát triển thương mại, dịch vụ và hội nhập kinh tế quốc tế.

4. Phát triển thương mại điện tử và kinh tế số

a) Triển khai hiệu quả các chương trình, kế hoạch về phát triển thương mại điện tử và kinh tế số; thúc đẩy ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số trong

hoạt động thương mại, phân phối, xúc tiến thương mại và sản xuất, kinh doanh.

b) Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh ứng dụng thương mại điện tử, nền tảng số, thanh toán không dùng tiền mặt và các giải pháp số; nâng cao kỹ năng số, năng lực quản trị và khả năng tham gia môi trường kinh doanh trực tuyến.

c) Phát triển các kênh phân phối trực tuyến; hỗ trợ quảng bá, tiêu thụ sản phẩm OCOP, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc trưng của tỉnh trên các sàn thương mại điện tử và nền tảng số; gắn với xây dựng thương hiệu, truy xuất nguồn gốc và mở rộng thị trường.

d) Khuyến khích phát triển thương mại điện tử xuyên biên giới, hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng môi trường số để mở rộng thị trường trong nước và quốc tế, nâng cao khả năng tiếp cận khách hàng.

đ) Tăng cường quản lý nhà nước về thương mại điện tử; bảo đảm môi trường kinh doanh số minh bạch, an toàn, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; đẩy mạnh ứng dụng, chia sẻ dữ liệu phục vụ công tác quản lý.

5. Xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu, mở rộng thị trường

a) Triển khai hiệu quả Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh An Giang giai đoạn 2026 - 2030; đổi mới phương thức xúc tiến thương mại theo hướng kết hợp trực tiếp và trực tuyến, ứng dụng công nghệ số, nâng cao hiệu quả hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh mở rộng thị trường tiêu thụ.

b) Tăng cường kết nối cung cầu, tổ chức hội chợ, triển lãm, giao thương trong và ngoài nước; hỗ trợ quảng bá, tiêu thụ sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, sản phẩm đặc trưng của tỉnh; thúc đẩy liên kết với hệ thống phân phối, sàn thương mại điện tử, khai thác hiệu quả các Hiệp định Thương mại tự do (FTA) để mở rộng thị trường.

c) Tăng cường hợp tác với các tổ chức xúc tiến thương mại, hiệp hội ngành hàng, đối tác trong và ngoài nước; nâng cao công tác cung cấp thông tin, dự báo, cảnh báo thị trường, tiêu chuẩn kỹ thuật và xu hướng tiêu dùng, hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển thị trường bền vững.

6. Phát triển thương mại biên giới, xuất nhập khẩu và hội nhập kinh tế quốc tế

a) Phát huy lợi thế vị trí địa kinh tế, hệ thống cửa khẩu và quan hệ hợp tác với Vương quốc Campuchia; phát triển thương mại biên giới theo hướng ổn định, hiện đại, văn minh, bền vững, gắn với phát triển kinh tế cửa khẩu và liên kết vùng.

b) Từng bước hoàn thiện hạ tầng thương mại, dịch vụ hỗ trợ xuất nhập khẩu tại khu vực cửa khẩu; nâng cao năng lực lưu thông, phân phối, thông quan hàng hóa và tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại qua biên giới.

c) Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực xuất nhập khẩu, khai thác hiệu quả các FTA, đa dạng hóa thị trường, đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn chất lượng,

quy tắc xuất xứ, truy xuất nguồn gốc, rào cản kỹ thuật và các quy định của thị trường quốc tế.

d) Đẩy mạnh cung cấp thông tin thị trường, xúc tiến thương mại, kết nối giao thương quốc tế; tăng cường phối hợp giữa các cơ quan, địa phương trong quản lý hoạt động xuất nhập khẩu, thương mại biên giới, góp phần phát triển kinh tế khu vực biên giới gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh.

7. Phát triển doanh nghiệp thương mại, dịch vụ; nâng cao năng lực cạnh tranh

a) Khuyến khích phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ; hỗ trợ mở rộng quy mô, đổi mới mô hình kinh doanh, nâng cao năng lực quản trị và khả năng thích ứng với yêu cầu phát triển của thị trường.

b) Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã đẩy mạnh chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi xanh; nâng cao chất lượng sản phẩm, xây dựng thương hiệu, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn, truy xuất nguồn gốc, đáp ứng yêu cầu của thị trường trong nước và quốc tế.

c) Thúc đẩy liên kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã với vùng nguyên liệu, cơ sở sản xuất, hệ thống phân phối và các đối tác trong chuỗi cung ứng; hỗ trợ tham gia chuỗi giá trị, mở rộng thị trường tiêu thụ và nâng cao giá trị sản phẩm.

d) Tăng cường vai trò của hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành hàng và các tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp trong kết nối, cung cấp thông tin, đào tạo, tư vấn và hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các chương trình, chính sách hỗ trợ của Nhà nước.

8. Thương mại xanh, kinh tế tuần hoàn và tiêu dùng bền vững

a) Khuyến khích phát triển thương mại theo hướng xanh, bền vững; thúc đẩy sản xuất, phân phối và tiêu dùng các sản phẩm thân thiện với môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên, năng lượng; từng bước áp dụng các mô hình kinh doanh phù hợp với yêu cầu phát triển xanh và kinh tế tuần hoàn.

b) Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh nâng cao nhận thức, áp dụng các giải pháp giảm chất thải, tiết kiệm năng lượng, truy xuất nguồn gốc và nâng cao khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn phát triển bền vững của thị trường.

c) Khuyến khích hệ thống phân phối, chợ, siêu thị, cửa hàng tiện lợi triển khai các giải pháp thương mại xanh, giảm sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần, phát triển các mô hình phân phối thân thiện với môi trường.

d) Gắn phát triển thương mại xanh với xây dựng thương hiệu, quảng bá và mở rộng thị trường đối với sản phẩm OCOP, sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc trưng của tỉnh và các sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn xanh, bền vững; tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức của doanh nghiệp và người tiêu dùng về tiêu dùng bền vững.

9. Phát triển thương mại gắn với du lịch và kinh tế ban đêm

a) Phát triển các hoạt động thương mại gắn với khai thác tiềm năng du lịch của tỉnh, nhất là tại khu, điểm du lịch, đô thị, khu vực ven biển, đảo, cửa khẩu và địa bàn có lợi thế về dịch vụ; kết hợp quảng bá hình ảnh, văn hóa, sản phẩm đặc trưng của địa phương.

b) Khuyến khích phát triển điểm giới thiệu, trưng bày, bán sản phẩm OCOP, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc trưng của tỉnh tại các khu, điểm du lịch, trung tâm thương mại, khu vực dịch vụ tập trung; tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp thương mại, du lịch, cơ sở sản xuất và hệ thống phân phối.

c) Nghiên cứu, xây dựng và phát triển các mô hình thương mại ban đêm phù hợp với điều kiện thực tế, gắn với du lịch, dịch vụ, ẩm thực, mua sắm; bảo đảm an ninh trật tự, vệ sinh môi trường và văn minh thương mại.

d) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, thanh toán không dùng tiền mặt, truy xuất nguồn gốc và các giải pháp thương mại xanh trong hoạt động thương mại gắn với du lịch; tăng cường phối hợp giữa các cơ quan, địa phương, doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh để xây dựng, nhân rộng các mô hình hiệu quả.

10. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về thương mại, dịch vụ

a) Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách; tổ chức triển khai hiệu quả các quy hoạch, chương trình, kế hoạch phát triển thương mại, dịch vụ trên địa bàn tỉnh.

b) Đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số trong quản lý nhà nước; nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính, chuyển đổi số, xây dựng và khai thác cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước về thương mại và cung cấp thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

c) Tăng cường phối hợp giữa các sở, ban, ngành, địa phương trong quản lý hoạt động thương mại; nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật, phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng kém chất lượng, vi phạm trong thương mại điện tử và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

d) Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển thương mại, dịch vụ theo hướng hiện đại, bền vững.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bảo đảm từ các nguồn sau

a) Ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và khả năng cân đối ngân sách hằng năm.

b) Kinh phí lồng ghép từ các chương trình, đề án, dự án, kế hoạch có liên quan đang triển khai trên địa bàn tỉnh.

c) Nguồn hỗ trợ từ các chương trình, đề án của Trung ương; các chương

trình, dự án hợp tác quốc tế (nếu có) và các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

d) Nguồn xã hội hóa, tài trợ, viện trợ, đóng góp của doanh nghiệp, hợp tác xã, hiệp hội ngành hàng, tổ chức trong nước, tổ chức quốc tế và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc bố trí, quản lý, phân bổ và sử dụng kinh phí thực hiện Kế hoạch bảo đảm đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch; thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan; đồng thời lồng ghép, sử dụng hiệu quả các nguồn lực để triển khai các nhiệm vụ phát triển thương mại, dịch vụ trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật và khả năng cân đối ngân sách của tỉnh; hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Công Thương

a) Là cơ quan chủ trì, đầu mối tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện; phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương xử lý khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai.

b) Định kỳ hoặc đột xuất đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Công Thương theo quy định; chủ trì tham mưu sơ kết, tổng kết và đề xuất điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch khi cần thiết.

2. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương và các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và khả năng cân đối ngân sách của tỉnh.

b) Hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ theo quy định hiện hành.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Phối hợp triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học, công nghệ và trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực thương mại.

b) Hỗ trợ xây dựng, phát triển cơ sở dữ liệu, nền tảng số; thúc đẩy ứng dụng công nghệ trong truy xuất nguồn gốc, thương mại điện tử và quản lý chuỗi cung ứng

4. Các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch, các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các

cơ quan, đơn vị có liên quan chủ động tổ chức triển khai thực hiện; lồng ghép các nhiệm vụ của Kế hoạch vào chương trình, đề án, kế hoạch thuộc lĩnh vực quản lý; bố trí nguồn lực theo quy định và khả năng cân đối; phối hợp với Sở Công Thương bảo đảm tiến độ, chất lượng và hiệu quả thực hiện.

b) Định kỳ trước ngày 15 tháng 6 (báo cáo 6 tháng) và trước ngày 15 tháng 12 hằng năm (báo cáo năm), hoặc khi có yêu cầu, báo cáo tình hình, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Công Thương theo quy định.

c) Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc có nội dung vượt thẩm quyền, kịp thời phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo.

5. Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh

a) Tuyên truyền, phổ biến nội dung Kế hoạch; vận động hội viên tham gia các hoạt động phát triển thương mại, dịch vụ của tỉnh; làm cầu nối giữa cơ quan quản lý nhà nước và cộng đồng doanh nghiệp.

b) Hỗ trợ kết nối doanh nghiệp tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu, chuyển đổi số, thương mại điện tử, logistics, hội nhập kinh tế quốc tế; tổng hợp, phản ánh khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện Kế hoạch.

6. Doanh nghiệp, hợp tác xã và các tổ chức có liên quan

a) Tổ chức hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh phù hợp với định hướng phát triển thương mại, dịch vụ của tỉnh; chủ động đổi mới công nghệ, chuyển đổi số, nâng cao năng lực quản trị, năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường và tham gia chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị.

b) Tích cực tham gia các chương trình, hoạt động phát triển thương mại, dịch vụ; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch, kịp thời phản ánh khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp.

VII. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các cơ quan, đơn vị có liên quan định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hằng năm (báo cáo năm) hoặc khi có yêu cầu, báo cáo tình hình, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch về Sở Công Thương để tổng hợp.

2. Sở Công Thương có trách nhiệm tổng hợp, tham mưu báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định; đồng thời theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch, tổng hợp những khó khăn, vướng mắc, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo hoặc điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, giải pháp khi cần thiết.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị và địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện các nội dung tại Kế hoạch này. Trong quá trình triển

khai thực hiện, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền, các cơ quan, đơn vị và địa phương kịp thời phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết./.

Nơi nhận: Hầm

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công Thương;
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ chức Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Thống kê tỉnh;
- Chi cục Hải quan khu vực XX;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Liên minh Hợp tác xã tỉnh;
- Các doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh;
- UBND cấp xã;
- LĐVP, các đơn vị thuộc Văn phòng;
- Lưu: VT, hvathien "HT".

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Phong

Phụ lục
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ TỈNH AN GIANG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Kế hoạch số 471 /KH-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Năm 2026		2027 - 2029		2030		Nguồn lực
				Thực hiện	Kết quả	Thực hiện	Kết quả	Thực hiện	Kết quả	
1	Triển khai Kế hoạch phát triển thương mại, dịch vụ giai đoạn 2026 - 2030	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp xã	Ban hành, triển khai Kế hoạch	Ban hành Kế hoạch và Phụ lục phân công; 100% các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp xã triển khai thực hiện; xây dựng kế hoạch thực hiện hằng năm	Theo dõi, đôn đốc, sơ kết	Tổ chức sơ kết giữa kỳ; ban hành tối thiểu 03 báo cáo đánh giá hằng năm; kịp thời điều chỉnh nhiệm vụ khi cần thiết	Tổng kết Kế hoạch	Ban hành 01 Báo cáo tổng kết giai đoạn 2026 - 2030 và đề xuất nhiệm vụ giai đoạn tiếp theo	Ngân sách nhà nước
2	Phát triển thị trường trong nước, hệ thống phân phối, bảo đảm lưu thông hàng hóa và ổn định thị trường	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp xã; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh; doanh	Theo dõi cung cầu hàng hóa, xây dựng phương án bảo đảm nguồn	Thực hiện Chương trình bình ổn thị trường; tổ chức tối thiểu 03 chương	Duy trì các chương trình kết nối cung cầu; Mở rộng hệ thống phân phối	Phát triển, mở rộng hệ thống phân phối hàng Việt, sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc trưng; khuyến khích doanh	Tổng kết, đánh giá kết quả phát triển thị trường trong nước giai đoạn	Hoàn thành chỉ tiêu tăng trưởng tổng mức bán lẻ theo	Ngân sách nhà nước và nguồn xã hội hóa

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Năm 2026		2027 - 2029		2030		Nguồn lực
				Thực hiện	Kết quả	Thực hiện	Kết quả	Thực hiện	Kết quả	
			ngành phân phối	cung hàng thiết yếu; Tổ chức chương trình bình ổn thị trường, kết nối cung cầu, đưa hàng Việt về nông thôn, vùng biên giới	trình kết nối cung cầu; bảo đảm cân đối cung cầu các mặt hàng thiết yếu	hàng Việt, sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc trưng.	ngành xây dựng chuỗi cung ứng, liên kết giữa sản xuất, phân phối và tiêu dùng; Tổ chức tối thiểu 10 chương trình kết nối cung cầu trong giai đoạn; Góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo Kế hoạch	2026 - 2030	Kế hoạch; ban hành 01 báo cáo đánh giá phát triển thị trường trong nước	
3	Thực hiện Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”	Sở Công Thương	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên;	Tổ chức tối thiểu 05 hoạt động tuyên truyền, hưởng	Nhận thức được nâng cao	Duy trì hàng năm	Tổ chức tối thiểu 15 hoạt động tuyên truyền trong giai đoạn; tăng tỷ lệ hàng Việt	Tổng kết giai đoạn	Ban hành 01 báo cáo tổng kết; tiếp tục duy trì và phát	Ngân sách nhà nước; nguồn xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Năm 2026		2027 - 2029		2030		Nguồn lực
				Thực hiện	Kết quả	Thực hiện	Kết quả	Thực hiện	Kết quả	
			các sở, ban, ngành cấp ngành	ứng Cuộc vận động; 100% địa phương triển khai hoạt động hưởng ứng			tham gia các hệ thống phân phối và chương trình xúc tiến thương mại		huy hiệu quả Cuộc vận động	định.
4	Xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu, mở rộng thị trường	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh	Sở Công Thương, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh	Tổ chức hoặc tham gia tối thiểu 10 hội chợ, hội nghị kết nối giao thương; hỗ trợ doanh nghiệp quảng bá, giới thiệu sản phẩm thông qua các hoạt động xúc tiến thương mại trực tiếp và trên nền tảng số; mở rộng kết nối với nhà phân phối trong nước và quốc tế, góp phần nâng cao	Doanh nghiệp được hỗ trợ quảng bá, giới thiệu sản phẩm thông qua các hoạt động xúc tiến thương mại trực tiếp và trên nền tảng số; mở rộng kết nối với nhà phân phối trong nước và quốc tế, góp phần nâng cao	Duy trì và mở rộng các chương trình xúc tiến thương mại; tăng cường xúc tiến thương mại trên môi trường số; mở rộng thị trường số; mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu; hỗ trợ triển lãm, khai thác hiệu	Tổ chức tối thiểu 30 hoạt động xúc tiến thương mại trong giai đoạn; tăng số lượng doanh nghiệp tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại trên môi trường số; mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu; hỗ trợ triển lãm, khai thác hiệu	Đánh giá hiệu quả thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại giai đoạn 2026 - 2030.	Ban hành 01 báo cáo tổng kết Chương trình xúc tiến thương mại giai đoạn 2026 - 2030; góp phần mở rộng thị trường tiêu thụ, tăng kim ngạch xuất	Ngân sách nhà nước; nguồn xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định.

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Năm 2026		2027 - 2029		2030		Nguồn lực
				Thực hiện	Kết quả	Thực hiện	Kết quả	Thực hiện	Kết quả	
				mại trực tiếp và trên nền tảng số; kết nối với nhà phân phối trong nước và quốc tế; hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện xúc tiến thương mại trên môi trường số	hiệu quả tiêu thụ sản phẩm.	kết nối giao thương trực tuyến; tăng cường xúc tiến thương mại trên môi trường số; hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu, tận dụng hiệu quả các FTA	quả các FTA và các nền tảng thương mại điện tử		khẩu và nâng cao hiệu quả xúc tiến thương mại trên môi trường số	
5	Phát triển thương mại điện tử và kinh tế số	Sở Công Thương	Sở Khoa học và Công nghệ; các doanh nghiệp	Tuyên truyền, tập huấn	Tổ chức tối thiểu 02 lớp tập huấn; hỗ trợ doanh nghiệp tham gia sàn	Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã ứng dụng công nghệ	Tỷ lệ doanh nghiệp, hợp tác xã ứng dụng thương mại điện tử đạt từ 70% trở	Đánh giá kết quả	Hoàn thành các chỉ tiêu phát triển thương	Ngân sách nhà nước; nguồn xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Năm 2026		2027 - 2029		2030		Nguồn lực
				Thực hiện	Kết quả	Thực hiện	Kết quả	Thực hiện	Kết quả	
					thương mại điện tử; mở rộng thanh toán không dùng tiền mặt	số trong hoạt động kinh doanh; phát triển thương mại điện tử xuyên biên giới; khai thác dữ liệu số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và các công nghệ mới phù hợp trong hoạt động thương mại	lên; tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt đạt khoảng 80%; từng bước hình thành hệ sinh thái thương mại điện tử và kinh tế số trên địa bàn tỉnh		mại điện tử và kinh tế số theo Kế hoạch; ban hành 01 báo cáo đánh giá	khác theo quy định
6	Phát triển hạ tầng thương mại	Sở Công Thương	Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Ban Quản lý Khu kinh tế	Rà soát, đề xuất đầu tư	Hoàn thành rà soát hiện trạng; xây dựng danh mục dự án ưu tiên đầu	Triển khai đầu tư theo quy hoạch	Thu hút đầu tư các dự án logistics, kho lạnh, trung tâm phân phối; tăng	Đánh giá hiệu quả	Ban hành 01 báo cáo đánh giá phát triển	Ngân sách nhà nước; nguồn xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Năm 2026		2027 - 2029		2030		Nguồn lực
				Thực hiện	Kết quả	Thực hiện	Kết quả	Thực hiện	Kết quả	
			tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc		tư logistics, kho lạnh, trung tâm phân phối		cường kết nối chuỗi cung ứng, phát triển dịch vụ logistics phục vụ lưu thông hàng hóa, thương mại biên giới và xuất nhập khẩu; giảm chi phí logistics so với giai đoạn trước		logistic; nâng cao năng lực logistics phục vụ xuất nhập khẩu và lưu thông hàng hóa	khác theo quy định
7	Phát triển hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại	Sở Công Thương	UBND cấp xã	Rà soát hiện trạng	Hoàn thành rà soát và danh mục đầu tư, nâng cấp hạ tầng thương mại theo Quy hoạch tỉnh	Nâng cấp, cải tạo chợ truyền thống; phát triển hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại và các loại hình phân phối hiện đại	Hình thành các mô hình chợ văn minh, phù hợp điều kiện thực tế của địa phương	Tổng kết	Hoàn thành các mục tiêu phát triển hạ tầng thương mại theo Quy hoạch tỉnh; ban hành 01 báo cáo	Ngân sách nhà nước; nguồn xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Năm 2026		2027 - 2029		2030		Nguồn lực
				Thực hiện	Kết quả	Thực hiện	Kết quả	Thực hiện	Kết quả	
						theo quy hoạch; từng bước chuyển đổi mô hình quản lý, khai thác chợ theo hướng văn minh, hiện đại, bảo đảm vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm.			đánh giá	
8	Phát triển xuất khẩu và hội nhập kinh tế quốc tế	Sở Công Thương	Chi cục Hải quan khu vực XX, các doanh nghiệp	Hỗ trợ doanh nghiệp	Tổ chức phổ biến FTA, quy tắc xuất xứ, phòng vệ thương mại; hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thị trường xuất	Xúc tiến xuất khẩu	Góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng xuất khẩu, nhập khẩu theo Kế hoạch; đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, nâng cao năng lực	Đánh giá	Hoàn thành chỉ tiêu xuất nhập khẩu theo Kế hoạch; ban hành 01 báo cáo	Ngân sách nhà nước; nguồn xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Năm 2026		2027 - 2029		2030		Nguồn lực
				Thực hiện	Kết quả	Thực hiện	Kết quả	Thực hiện	Kết quả	
					khẩu		cạnh tranh và khả năng tham gia chuỗi cung ứng quốc tế của doanh nghiệp		đánh giá hội nhập kinh tế quốc tế	
9	Phát triển thương mại biên giới và kinh tế cửa khẩu	Sở Công Thương	Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Chi cục Hải quan khu vực XX, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc	Thúc đẩy giao thương	Tổ chức các hoạt động kết nối giao thương; tăng cường phối hợp tạo thuận lợi thương mại tại cửa khẩu	Duy trì, mở rộng hợp tác thương mại biên giới; phát triển dịch vụ logistics, kho bãi, dịch vụ hỗ trợ xuất nhập khẩu và logistics khu vực cửa khẩu	Duy trì tăng trưởng kim ngạch thương mại biên giới; phát triển dịch vụ logistics, kho bãi và hỗ trợ xuất nhập khẩu khu vực cửa khẩu	Tổng kết	Ban hành 01 báo cáo đánh giá phát triển thương mại biên giới và kinh tế cửa khẩu giai đoạn 2026 - 2030	Ngân sách nhà nước
10	Phát triển thương mại gắn với du lịch và	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương	Sở Công Thương; Sở Văn hóa và Thể	Rà soát tiềm năng, xây dựng định	Hoàn thành rà soát, xác định địa bàn, sản	Triển khai các hoạt động kết nối thương	Hình thành các điểm giới thiệu, bán sản phẩm gắn với	Đánh giá kết quả thực hiện, tổng kết	Ban hành báo cáo đánh giá	Ngân sách nhà nước; nguồn xã hội hóa và các

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Năm 2026		2027 - 2029		2030		Nguồn lực
				Thực hiện	Kết quả	Thực hiện	Kết quả	Thực hiện	Kết quả	
	kinh tế ban đêm	mại và Du lịch tỉnh	thao; Sở Du lịch; UBND cấp xã; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh và các đơn vị có liên quan	hướng phát triển các hoạt động thương mại gắn với du lịch và nghiên cứu mô hình thương mại ban đêm phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh	phẩm, mô hình có tiềm năng phát triển thương mại gắn với du lịch và kinh tế ban đêm	mại - du lịch; hỗ trợ quảng bá, giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc trưng, sản phẩm chủ lực của tỉnh tại các khu, điểm du lịch; xây dựng, duy trì và nhân rộng các mô hình thương mại ban đêm phù hợp	du lịch; phát triển các mô hình thương mại ban đêm gắn với dịch vụ, ẩm thực, mua sắm; tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp thương mại, du lịch và cơ sở sản xuất	các mô hình thương mại gắn với du lịch và kinh tế ban đêm	kết quả phát triển thương mại gắn với du lịch và kinh tế ban đêm giai đoạn 2026 - 2030; đề xuất định hướng phát triển giai đoạn tiếp theo	nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định
11	Hỗ trợ tiêu thụ, xây dựng thương hiệu và truy xuất nguồn gốc sản phẩm	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du	Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và Môi	Hỗ trợ quảng bá, xây dựng thương hiệu, kết	Doanh nghiệp, hợp tác xã được hỗ trợ chuẩn hóa	Tiếp tục hỗ trợ phát triển thương hiệu, truy	Sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc trưng và ngành hàng	Đánh giá kết quả thực hiện, duy trì và phát huy	Hoàn thành các mục tiêu hỗ trợ tiêu	Ngân sách nhà nước

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Năm 2026		2027 - 2029		2030		Nguồn lực
				Thực hiện	Kết quả	Thực hiện	Kết quả	Thực hiện	Kết quả	
	OCOP, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, sản phẩm đặc trưng và ngành hàng chủ lực	lịch tỉnh	trường; UBND cấp xã	nổi tiêu thụ sản phẩm OCOP, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, sản phẩm đặc trưng và ngành hàng chủ lực; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã đưa sản phẩm lên sàn thương mại điện tử, áp dụng truy xuất nguồn gốc	thông tin sản phẩm, quảng bá, kết nối tiêu thụ; từng bước nâng cao nhận diện thương hiệu và khả năng tiếp cận thị trường	xuất nguồn gốc; tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu; mở rộng thị trường tiêu thụ trong và ngoài tỉnh; tăng cường kết nối với hệ thống phân phối hiện đại và nền tảng thương mại điện tử	chủ lực được hỗ trợ quảng bá, kết nối tiêu thụ; tỷ lệ hàng hóa chủ lực, sản phẩm OCOP và sản phẩm đặc trưng áp dụng truy xuất nguồn gốc đạt từ 70% trở lên	hiệu quả các hoạt động hỗ trợ tiêu thụ, xây dựng thương hiệu, truy xuất nguồn gốc sản phẩm	thụ, xây dựng thương hiệu, truy xuất nguồn gốc; nâng cao khả năng cạnh tranh, mở rộng thị trường cho sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc trưng và ngành hàng chủ lực của tỉnh	
12	Tăng cường	Sở Công	Ban Chỉ	Kiểm tra,	Tham mưu,	Duy trì	Thực hiện	Tổng kết	Ban	Ngân sách

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Năm 2026		2027 - 2029		2030		Nguồn lực
				Thực hiện	Kết quả	Thực hiện	Kết quả	Thực hiện	Kết quả	
	quản lý thị trường; phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả	Thương	đạo 389 tỉnh; Công an tỉnh; Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh; Chi cục Hải quan khu vực XX; UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan	kiểm soát thị trường	triển khai kế hoạch kiểm tra, kiểm soát thị trường; tăng cường phối hợp trong công tác phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng kém chất lượng và các hành vi vi phạm trong hoạt động thương mại; xử lý kịp thời các vi phạm theo quy định	thường xuyên	kiểm tra theo kế hoạch hằng năm; giảm các hành vi vi phạm; bảo đảm môi trường kinh doanh lành mạnh		hành 01 báo cáo tổng kết công tác quản lý thị trường; nâng cao hiệu quả phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả	nhà nước
13	Nâng cao năng lực doanh nghiệp; đào tạo nguồn nhân lực	Sở Công Thương	Sở Nội vụ; Sở Khoa học và Công nghệ;	Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao	Tổ chức tối thiểu 05 lớp đào tạo về logistics,	Duy trì đào tạo thường xuyên	Tổ chức tối thiểu 15 lớp đào tạo trong giai đoạn;	Đánh giá kết quả	Ban hành 01 báo cáo đánh giá	Ngân sách nhà nước

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Năm 2026		2027 - 2029		2030		Nguồn lực
				Thực hiện	Kết quả	Thực hiện	Kết quả	Thực hiện	Kết quả	
	thương mại, logistics, thương mại điện tử và hội nhập		Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh; Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch; các cơ sở đào tạo; UBND cấp xã	năng lực	thương mại điện tử, xuất nhập khẩu, FTA và chuyển đổi số; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã nâng cao năng lực		nâng cao năng lực quản trị, chuyển đổi số và hội nhập cho doanh nghiệp, cán bộ quản lý		chất lượng nguồn nhân lực thương mại; đáp ứng yêu cầu phát triển thương mại, dịch vụ giai đoạn mới	
14	Phát triển thương mại xanh, kinh tế tuần hoàn và tiêu dùng bền vững	Sở Công Thương	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Khoa học và Công nghệ; UBND cấp xã; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh	Xây dựng kế hoạch; tuyên truyền, hướng dẫn và triển khai các mô hình thương mại xanh, kinh tế tuần hoàn	Hoàn thành rà soát, xây dựng định hướng triển khai; tuyên truyền, phổ biến các nội dung về thương mại xanh, kinh tế tuần hoàn và tiêu dùng bền vững;	Khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã và cơ sở kinh doanh áp dụng mô hình kinh doanh xanh; triển khai các	Duy trì ít nhất 05 mô hình thương mại xanh; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia các hoạt động thương mại xanh; triển khai hoạt động giảm rác thải nhựa tại	Đánh giá kết quả thực hiện; hoàn thiện và nhân rộng các mô hình hiệu quả.	Ban hành 01 báo cáo tổng kết; nhân rộng các mô hình hiệu quả.	Ngân sách nhà nước; nguồn xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định.

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Năm 2026		2027 - 2029		2030		Nguồn lực
				Thực hiện	Kết quả	Thực hiện	Kết quả	Thực hiện	Kết quả	
				và tiêu dùng bền vững	xác định mô hình phù hợp để triển khai trong giai đoạn tiếp theo	mô hình chợ xanh, giảm thiểu chất thải nhựa và thúc đẩy tiêu dùng bền vững	các chợ, siêu thị phù hợp điều kiện thực tế			
15	Phát triển doanh nghiệp thương mại, dịch vụ; hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh	Sở Công Thương	Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh; Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh; UBND cấp xã	Rà soát nhu cầu; triển khai các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã về chuyển đổi số, thương mại điện tử, xây dựng thương hiệu, phát triển thị trường và nâng cao năng lực	Triển khai các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp theo kế hoạch hằng năm; doanh nghiệp, hợp tác xã được hỗ trợ nâng cao năng lực chuyển đổi số, thương mại điện tử, xây dựng thương hiệu, phát triển thị trường và phát triển thị trường	Mở rộng các hoạt động hỗ trợ; tăng cường kết nối chuỗi cung ứng và hệ thống phân phối trong và ngoài tỉnh	Doanh nghiệp, hợp tác xã được hỗ trợ tham gia kết nối cung cầu, xúc tiến thương mại, thương mại điện tử, xây dựng thương hiệu và truy xuất nguồn gốc; mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu	Đánh giá kết quả thực hiện	Doanh nghiệp, hợp tác xã được nâng cao năng lực cạnh tranh; mở rộng thị trường; tăng cường tham gia chuỗi cung ứng, hoạt động	Ngân sách nhà nước; nguồn xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Năm 2026		2027 - 2029		2030		Nguồn lực
				Thực hiện	Kết quả	Thực hiện	Kết quả	Thực hiện	Kết quả	
				cạnh tranh					xúc tiến thương mại, chuyển đổi số và hội nhập kinh tế quốc tế; ban hành 01 báo cáo đánh giá kết quả hỗ trợ phát triển doanh nghiệp thương mại, dịch vụ giai đoạn 2026 - 2030	
16	Xây dựng cơ sở dữ liệu, chuyển	Sở Công Thương	Sở Tài chính;	Rà soát, chuẩn hóa	Hoàn thành rà soát,	Duy trì, cập nhật,	Cơ sở dữ liệu được cập nhật	Đánh giá, hoàn	Hoàn thiện cơ	Ngân sách nhà nước

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Năm 2026		2027 - 2029		2030		Nguồn lực
				Thực hiện	Kết quả	Thực hiện	Kết quả	Thực hiện	Kết quả	
	đổi số trong quản lý nhà nước về thương mại		Thống kê tỉnh; Chi cục Hải quan khu vực XX; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh; UBND cấp xã	dữ liệu chuyên ngành; xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước về thương mại; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong giải quyết thủ tục hành chính và quản lý ngành	chuẩn hóa dữ liệu; xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu chuyên ngành; 100% hồ sơ thuộc thẩm quyền được tiếp nhận, xử lý trên môi trường điện tử theo quy định	khai thác cơ sở dữ liệu; tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu với các cơ quan liên quan; ứng dụng công nghệ số trong theo dõi, tổng hợp, phân tích thông tin phục vụ quản lý	thường xuyên; dữ liệu chuyên ngành được kết nối, chia sẻ phục vụ quản lý, điều hành; nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính và công tác thống kê, báo cáo	thiện và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước về thương mại	sở dữ liệu chuyên ngành; bảo đảm dữ liệu được khai thác hiệu quả phục vụ công tác quản lý, dự báo, xây dựng chính sách và hỗ trợ doanh nghiệp	
17	Theo dõi, phân tích, dự báo thị trường và cung cấp thông tin thương mại	Sở Công Thương	Thống kê tỉnh; Chi cục Hải quan khu vực XX; Sở Nông	Xây dựng cơ chế thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin về thị	Thiết lập cơ chế thu thập, phân tích và cung cấp thông tin thị	Duy trì công tác theo dõi, phân tích, dự báo thị trường;	Hình thành hệ thống thông tin phục vụ dự báo thị trường; duy trì tối thiểu 12	Đánh giá, hoàn thiện công tác dự báo, chia sẻ	Ban hành báo cáo tổng hợp về tình	Ngân sách nhà nước

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Năm 2026		2027 - 2029		2030		Nguồn lực
				Thực hiện	Kết quả	Thực hiện	Kết quả	Thực hiện	Kết quả	
			ng nghiệp và Môi trường; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh; các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh	trường, cung cầu hàng hóa, giá cả, hoạt động xuất nhập khẩu; xây dựng quy trình phối hợp chia sẻ thông tin phục vụ doanh nghiệp và công tác quản lý nhà nước	trường; phát hành các bản tin, báo cáo chuyên đề về thị trường, giá cả, cung cầu hàng hóa và xuất nhập khẩu	cung cấp thông tin về xu hướng tiêu dùng, thị trường xuất khẩu, rào cản kỹ thuật, phòng vệ thương mại và các vấn đề liên quan	bản tin thị trường, 04 báo cáo phân tích chuyên đề và 10 cảnh báo sớm hàng năm về biến động thị trường, giá cả, cung cầu, rào cản thương mại và thị trường xuất khẩu; hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao khả năng thích ứng và mở rộng thị trường	thông tin thị trường giai đoạn 2026 - 2030	hình thị trường, cung cầu hàng hóa và hiệu quả cung cấp thông tin phục vụ phát triển thương mại	
18	Cải cách hành chính và nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước lĩnh vực ngành công thương	Sở Công Thương	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Nội vụ; Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành cấp	Rà soát thủ tục hành chính, ứng dụng chuyển đổi số	Rà soát 100% thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực thương mại; đề xuất đơn giản hóa thành phần	Duy trì cải cách, chuyển đổi số	Duy trì tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn từ 98% trở lên; 100% văn bản chỉ đạo, điều hành được xử lý trên môi	Đánh giá, hoàn thành mục tiêu cải cách	Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với thủ tục	Ngân sách nhà nước

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Năm 2026		2027 - 2029		2030		Nguồn lực
				Thực hiện	Kết quả	Thực hiện	Kết quả	Thực hiện	Kết quả	
			tỉnh; UBND cấp xã		hồ sơ/thời gian xử lý đối với các thủ tục có thể cắt giảm; 100% thủ tục đủ điều kiện cung cấp trực tuyến toàn trình theo quy định		trường điện tử; tổ chức tối thiểu 01 đợt kiểm tra, đánh giá công tác quản lý nhà nước về thương mại mỗi năm		hành chính lĩnh vực thương mại đạt từ 90% trở lên; ban hành 01 báo cáo tổng kết cải cách hành chính và chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030	
19	Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp xã; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh và các cơ	Hướng dẫn các sở, ngành, UBND cấp xã triển khai nhiệm vụ được phân	Ban hành báo cáo đánh giá tình hình triển khai Kế hoạch năm 2026; kịp thời	Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ; tổ chức sơ kết giữa kỳ, đánh	Báo cáo đánh giá hằng năm; báo cáo sơ kết giữa kỳ; đề xuất điều chỉnh nhiệm vụ, chỉ tiêu và giải pháp thực	Tổng kết, đánh giá toàn diện kết quả thực hiện Kế hoạch.	Ban hành báo cáo tổng kết giai đoạn 2026 - 2030;	Ngân sách nhà nước

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Năm 2026		2027 - 2029		2030		Nguồn lực
				Thực hiện	Kết quả	Thực hiện	Kết quả	Thực hiện	Kết quả	
			quan, đơn vị có liên quan	công; theo dõi tiến độ, tổng hợp tình hình thực hiện và báo cáo kết quả năm 2026	tổng hợp khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp xử lý	giá tiến độ thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch	hiện Kế hoạch khi cần thiết.		đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu và đề xuất định hướng giai đoạn tiếp theo	